

Số: 435/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 211, Điều 212 ; Điều 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 249/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2026 về việc “Xin ly hôn” và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/01/2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội giữa:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thu T**, sinh ngày 01/10/1988; Căn cước công dân số 037188012597, do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/12/2021; HKTT: số E ngõ A T, phường N, tỉnh Ninh Bình; Nơi ở: số A ngõ I V, phường N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Trí H**, sinh ngày 02/07/1974; Căn cước công dân số 001074003615 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021; Đăng ký HKTT: P112 – B9 H, phường G, TP Hà Nội; Nơi ở: Số G ngõ C N, phường G, TP Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị **Hoàng Thu T** và anh **Nguyễn Trí H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận B, thành phố Hà Nội ngày 08/04/2025 số 29/2025. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 04 năm 2026 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 249/2026/TLST-HNGĐ ngày 17/03/2026.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 04 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Hoàng Thu T** và anh **Nguyễn Trí H** thống nhất thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị **Hoàng Thu T** và anh **Nguyễn Trí H** có 02 con chung cháu **Nguyễn Ngọc D**, sinh ngày 13/11/2016 và cháu **Nguyễn Ngọc M**, sinh ngày 05/10/2022. Giao cháu **Nguyễn Ngọc D** và cháu **Nguyễn Ngọc M** cho chị **Hoàng Thu T** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh **Nguyễn Trí H** có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000 (Mười triệu đồng)/ 01 tháng/ 02 con kể từ tháng 05/2026 đến khi cháu **Nguyễn Ngọc D** và cháu **Nguyễn Ngọc Minh trường T1** tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

- **Về tài sản chung (động sản và bất động sản):**

Chị **Hoàng Thu T** và anh **Nguyễn Trí H** đã tự thỏa thuận và ghi nhận tại Vi bằng số 2064/2026/VP-TPLMB ngày 20 tháng 4 năm 2026 lập tại **Văn phòng T2** thực hiện nộp kèm theo hồ sơ khởi kiện tại Tòa án với nội dung cụ thể:

“.....1. Anh **Nguyễn Trí H** và chị **Hoàng Thu T** có tài sản chung cụ thể như sau:

Anh **Nguyễn Trí H** và chị **Hoàng Thu T** là đồng chủ sử dụng của thửa đất căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số **AA04962525**, số vào sổ cấp GCN: VP27028 do **Văn phòng Đ** cấp ngày 27/11/2025.

Thông tin thửa đất cụ thể như sau:

- Thửa đất số 482, tờ bản đồ số 193;
- Diện tích: 73,0m² (Bảy mươi ba phẩy không mét vuông);
- Loại đất: Đất ở tại đô thị;
- Thời hạn sử dụng: Lâu dài;
- Hình thức sử dụng: Sử dụng chung của vợ và chồng;
- Địa chỉ: **Tổ A, phường N, tỉnh Ninh Bình**.

Anh **Nguyễn Trí H và chị **Hoàng Thu T** thỏa thuận như sau:**

- Anh **Nguyễn Trí H** được toàn quyền sử dụng, định đoạt thửa đất nêu Khoản 1 của Điều này. Thửa đất nêu trên là tài sản riêng của anh **Nguyễn Trí H**.
- Kể từ thời điểm ký vào văn bản này, toàn bộ lợi ích phát sinh từ quyền sử dụng đất nêu tại Khoản 1 của Điều này thuộc quyền sử dụng riêng của anh **Nguyễn Trí H**.
- Đồng thời chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của chị **Hoàng Thu T** đối với toàn bộ thửa đất nêu tại Khoản 1 của Điều này kể từ ngày lập và ký Văn bản này.

- **Chị Hoàng Thu T** có trách nhiệm và nghĩa vụ cùng với anh **Nguyễn Trí H** đến Văn phòng công chứng hoặc cơ quan có thẩm quyền để ký các giấy tờ hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, sang tên thửa đất nêu tại Khoản 1 của Điều này cho anh **Nguyễn Trí H** theo đúng quy định của pháp luật mà không được gây khó khăn hay đòi hỏi anh **Nguyễn Trí H** bất kỳ chi phí phát sinh nào.

- Vào ngày 23/4/2026, anh **Nguyễn Trí H** giao cho chị **Hoàng Thu T** số tiền là 500.000.000 VNĐ (Năm trăm triệu đồng) tiền Việt Nam hiện hành. Anh **Nguyễn Trí H** cam kết sẽ giao đủ số tiền nêu trên cho chị **Hoàng Thu T** theo đúng thời hạn do hai bên đã thỏa thuận. Chị **Hoàng Thu T** cam kết ngoài số tiền nêu trên, chị **Hoàng Thu T** không yêu cầu thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

- **Về công nợ chung:** Vợ chồng không có, khôn-g yêu cầu giải quyết

2. **Về án phí:** Ghi nhận sự tự nguyện của chị **Hoàng Thu T** chịu cả 150.000 đồng án phí giải quyết ly hôn. Chị **Hoàng Thu T** đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006253 ngày 17/03/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Hà Nội, chị **Hoàng Thu T** được hoàn lại số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Nội;
- Phòng THA dân sự Hà Nội (KV1);
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Nguyệt